

Bản án số: 106/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 3 - 2026.

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tăng Tài Thủ**

2. Bà **Thái Anh Trinh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà **Phạm Ngọc Chi** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 240/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Hồng T** - sinh năm 2002. Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thái B** - sinh năm 1999. Vắng mặt

Cư trú: Khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Võ Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thái B do tự quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ vào ngày 22/4/2021. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến khoảng giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân cũng không có giải pháp gì để hàn gắn. Nhận thấy, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Nay chị T xin giải quyết cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Thái T1, sinh ngày 14/6/2019, từ khi ly thân đến nay cháu T1 do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.365.000 đồng/tháng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Thái B không đến tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh liên quan đến nội dung khởi kiện.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt; anh B tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các vấn đề khác đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thái B là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị T khởi kiện xin ly hôn, đồng thời yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 1 của Luật Số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng, do đó vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về vấn đề hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thái B là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự thông cảm lẫn nhau nên đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không có giải pháp gì để khắc phục. Nay chị T cương quyết xin ly hôn, anh B dù đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia tố tụng, bỏ mặc sự việc hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nên chấp nhận cho ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng: Chị T và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Thái T1, sinh ngày 14/6/2019, từ khi ly thân đến nay cháu T1 do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.365.000 đồng/tháng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Xét thấy, cháu T1 còn nhỏ tuổi, để ổn định cuộc sống và sinh hoạt của cháu nên cần giao cho mẹ là chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Nếu sau này điều kiện hoàn cảnh thay đổi thì đương sự có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, không có khả năng tự lo cho cuộc sống của mình. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là phù hợp quy định pháp luật, nên chấp nhận buộc anh B cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.365.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu, nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Hồng T phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thái B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[6] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 207; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thái B.
2. Về nuôi con, cấp dưỡng: Giao cháu Nguyễn Thái T1, sinh ngày 14/6/2019, cho chị Võ Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Thái B phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.365.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Thái B không ai được cản trở. Anh B, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Hồng T phải chịu án phí là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007958 ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Công nhận chị T đã nộp xong án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thái B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

4. Về kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký*)

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt